

Số: 199/2024/QĐST - HNGĐ

Hoài Đức, ngày 22 tháng 5 năm 2024

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN
VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ vào Điều 371 và khoản 4 Điều 397 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào Điều 55, Điều 57, Điều 58, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ Biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành ngày 14/5/2024;

Căn cứ Luật Phí và Lệ phí năm 2015;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Sau khi nghiên cứu hồ sơ việc Hôn nhân và gia đình thụ lý số 159/2024/TLST - HNGĐ ngày 26 tháng 4 năm 2024 về việc “*Yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn*” gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

Người yêu cầu giải quyết việc dân sự:

- **Anh NVD**, sinh năm 1981; cư trú tại: thôn A, xã A, huyện Hoài Đức, thành phố Hà Nội.

- **Chị NTN**, sinh năm 1986; cư trú tại: thôn A, xã A, huyện Hoài Đức, thành phố Hà Nội.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tình cảm: Anh NVD và chị NTN kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại UBND xã An Thượng, huyện Hoài Đức, thành phố Hà Nội ngày 11/02/2004, là hôn nhân hợp pháp. Quá trình chung sống anh NVD và chị NTN phát sinh mâu thuẫn không thể hàn gắn nên cùng xin thuận tình ly hôn. Xét thấy mâu thuẫn của anh chị thực sự trầm trọng, nguyện vọng xin ly hôn của anh chị là chính đáng, nên Tòa chấp nhận yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn của anh NVD và chị NTN.

[2] Về con chung: Anh NVD và chị NTN có bốn con chung là O, sinh ngày 23/02/2005, cháu NNL, sinh ngày 14/10/2006, cháu NVA, sinh ngày 08/4/2009 và cháu NMH, sinh ngày 30/8/2013. Cháu O đã trưởng thành, phát triển bình thường, cháu ở với ai là quyền của cháu, anh NVD và chị NTN không đề nghị Tòa án giải quyết. Ly hôn anh NVD và chị NTN thỏa thuận giao cháu NNL và cháu NVA cho anh NVD trực tiếp chăm

sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cho đến khi cháu Linh và cháu Việt Anh đủ 18 tuổi hoặc đến khi có quyết định thay đổi khác, giao cháu NMH cho chị NTN trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cho đến khi cháu Hiếu đủ 18 tuổi hoặc đến khi có quyết định thay đổi khác. Hai bên không phải cấp dưỡng nuôi con chung. Sự thỏa thuận của anh NMD và NTN về việc nuôi con và cấp dưỡng nuôi con là phù hợp với quy định của pháp luật nên được chấp nhận.

Anh NVD và chị NTN có quyền đi lại, thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung không ai được cản trở.

[3] *Về tài sản chung vợ chồng*: Anh NVD và chị NTN không có tài sản chung.

[4] *Về nợ chung*: Anh NVD và chị NTN không vay nợ ai và không cho ai vay. Sau khi ly hôn có phát sinh tranh chấp về công nợ thì anh chị tự chịu trách nhiệm.

[5] *Về lệ phí*: Anh NVD và chị NTN phải chịu toàn bộ lệ phí giải quyết việc hôn nhân gia đình.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập Biên bản hoà giải đoàn tụ không thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- *Về quan hệ hôn nhân*: Công nhận thuận tình ly hôn giữa anh NVD và chị NTN.

- *Về con chung*: Cháu O, sinh ngày 23/02/2005 đã trưởng thành, phát triển bình thường, cháu ở với ai là quyền của cháu, Tòa án không xem xét. Giao cháu NNL, sinh ngày 14/10/2006 và cháu NVA, sinh ngày 08/4/2009 cho anh NVD trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cho đến khi cháu Linh và cháu Việt Anh trưởng thành đủ 18 tuổi hoặc có quyết định thay đổi khác, giao cháu NMH, sinh ngày 30/8/2013 cho chị NTN trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cho đến khi cháu Hiếu trưởng thành đủ 18 tuổi hoặc khi có quyết định thay đổi khác. Hai bên không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Anh NVD và chị NTN có quyền đi lại, thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung không ai được cản trở.

- *Về tài sản chung*: Anh NVD và chị NTN không có tài sản chung.

- *Về nợ chung*: Anh NVD và chị NTN không vay nợ ai và không cho ai vay. Sau khi ly hôn có phát sinh tranh chấp về công nợ thì anh chị chịu trách nhiệm.

2. *Về lệ phí Tòa án*: Anh NVD và chị NTN phải nộp 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) lệ phí việc ly hôn, được trừ vào số tiền tạm ứng lệ phí anh NMD và chị NTN đã nộp là 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0005686 ngày 26/4/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Hoài Đức, thành phố Hà Nội. Anh NMD và chị NTN đã nộp đủ lệ phí.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhân:

- Các bên đương sự;
- VKS huyện Hoài Đức;
- UBND xã A,
huyện Hoài Đức, thành phố Hà Nội;
(GCNKH số 10 ngày 11/02/2004);
- Lưu hồ sơ vụ án.

THẨM PHÁN

Đỗ Văn Nghiêm